TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/DS -PT
Ngày 06 – 02 – 2023
Về việc tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Tôn Văn Thông

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 407/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp đòi tài sản" do Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 79/2023/QĐXXPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Huỳnh Thị Kim P, sinh năm: 1963

Địa chỉ: Ấp TT, xã TP, huyện CT, tỉnh BT.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Minh C, sinh năm: 1991 là người đại diện theo ủy quyền (Tại giấy ủy quyền ngày 06/02/2023)

Địa chỉ: Số 57B/5 ấp TN, xã TP, huyện CT, tỉnh BT.

- *Bị đơn:* Ủy ban nhân dân xã TP, huyện CT, tỉnh BT.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hoàng L1 – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Kim N1, sinh năm 1985. Chức vụ: Công chức Tư pháp – Hộ tịch (Theo văn bản ủy quyền ngày 15/9/2022).

- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị Kim P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim P trình bày:

Năm 2019, Ủy ban nhân dân xã TP, huyện CT, tỉnh BT có kế hoạch mở đường ĐX 03 liên ấp TB – TT. Khi đó, các bên có thỏa thuận mở rộng lộ qua bên bà và qua bên đất của ông Huỳnh Văn T, mỗi bên 0,5 m. Con lộ cũ rộng 2,5 m. Tuy nhiên, khi Ủy ban nhân dân xã TP tiến hành mở rộng lộ thì chủ yếu lấn sang đất của bà, chỉ làm sang đất của ông T chỉ 01 tất. Khi làm lộ, bà đã phát hiện ra sự việc này nên đã gọi cho ông Trần Hoàng K – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TP trình báo sự việc (khoảng 03 lần), ông K nói yên tâm không có việc gì. Sau đó, bà có đến gặp lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã TP để trình báo sự việc, bà có gửi 01 đơn yêu cầu nhưng không nhớ rõ gửi ngày nào. Sau đó, bà có làm đơn khiếu nại tại Ủy ban nhân dân xã TP, các bên có tiến hành hòa giải, thương lượng nhưng không thành. Ủy ban nhân dân xã TP khi đó có hỏi ý kiến ông T về việc mở rộng lộ về phía đất ông T thêm 0,5 m nhưng không thấy Ủy ban nhân dân xã TP trả lời. Đến ngày 25/12/2020, bà nộp đơn yêu cầu bồi thường ra Ủy ban nhân dân xã TP, hai bên có hòa giải nhưng không thống nhất được ý kiến. Các hộ phía trong, khi làm lộ thì Ủy ban nhân dân xã TP đều lấn đất sang hai bên.

Nay bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với Ủy ban nhân dân xã TP, huyện CT, tỉnh BT trả lại cho bà phần đất đã lấn chiếm diện tích theo đo đạc thực tế thuộc thửa đất số 24-2, tờ bản đồ số 18, diện tích 36 m^2, đất tọa lạc tại ấp TT, xã TP, huyện CT, tỉnh BT. Bị đơn tự cắt đường trả lại đất cho bà, chi phí cắt đường do bị đơn tự chịu. Nếu không trả đất thì phải bồi thường lại giá trị đất đã làm đường theo giá đã được Hội đồng định giá huyện CT định giá vào ngày 09/7/2022 là 600.000 đồng/m^2.

Bà thống nhất kết quả đo đạc, định giá và không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Theo bản khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án Ủy ban nhân dân xã TP, huyện CT và người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã TP, huyện CT có lời trình bày:

Năm 2019, thực hiện giao thông nông thôn theo đề án 3333 của Ủy ban nhân dân tỉnh (tỉnh, huyện hỗ trợ bê tông mặt đường, địa phương và người dân ủng hộ mặt bằng, cây cối, hoa màu, kiến trúc, san lắp mặt bằng để giao cho Ủy ban nhân dân xã thi công tuyến đường trên). Nhận được chủ trương đầu tư giao

thông nông thôn theo đề án 3333 của tỉnh. Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới của xã TP họp xét và nhận thấy ấp TB có đơn kiến nghị của người dân đề nghị hỗ trợ khẩn cấp xây dựng tuyến đường từ ngã tư ấp TB đến cổng chùa SL do tuyến đường trên đã xuống cấp, hư hỏng rất nghiêm trọng. Được sự chỉ đạo của Đảng ủy xã TP, Ủy ban nhân dân xã có cử đồng chí Phạm Hoàng K - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã TP phối hợp với mặt trận các đoàn thể tổ chức họp dân lấy ý kiến để xây dựng tuyến đường trên. Đồng chí K có báo cáo và xin ý kiến tổ chức 03 cuộc họp dân trên tuyến đường trên: 01 cuộc họp ở nhà ông Lê Văn N2, 01 cuộc họp ở nhà ông Đặng Văn D, 01 cuộc ở nhà ông Đặng Văn L2. Hai cuộc họp ở nhà ông N2 và ông D tất cả bà con nhân dân đều đồng tình với chủ trương làm lộ và đồng ý đóng góp cây cối, hoa màu, kiến trúc và tiền để thi công, san lắp mặt bằng, phát quang giao mặt bằng cho Ủy ban nhân dân xã để thi công. Cuộc họp tại nhà ông L2 có mặt trưởng ấp, đoàn thể và bà con. Đoạn đường này khoảng 100m chạy ngang phần đất ông Hồ Văn L3 và bà Huỳnh Thị Kim P. Ông K - Phó Chủ tịch có triển khai quy cách làm, hình thức đóng góp, quy mô chiều ngang, chiều dài...Bà P có ý kiến bà ủng hộ chủ trương làm đường, ủng hộ đất đai hoa màu, vật kiến trúc nhưng bà không đồng ý đóng góp tiền để san lắp mặt bằng. Đoạn đường đi ngang đất bà và ông L3 làm như thế nào thì ông K trả lời: Việc mở rộng mặt bằng bám theo tim đường hiện hữu mở rộng về 02 bên, trừ những đoạn có trường hợp bất khả kháng thì bắt buộc lấn 01 bên, bà P đồng ý với kết quả trả lời của ông K, bà đề xuất xã hỗ trợ di dời hàng rào kẽm gai giao mặt bằng thi công. Ngày thi công ông K huy động chi bộ TB và tổ giám sát cộng đồng hỗ trợ 13 người có sự chứng kiến của bà P và con trai bà P. Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã TP không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà P.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện CT đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim P đối với Ủy ban nhân dân xã TP, huyện CT, tỉnh BT về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã TP, huyện CT, tỉnh Bến Tre trả lại cho bà phần đất đã làm đường giao thông theo đo đạc thực tế thuộc thửa đất số 24 - 2, tờ bản đồ số 18, diện tích 36m^2, đất tọa lạc tại ấp TT, xã TP, huyện CT, tỉnh BT.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim P kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị Kim P là ông Hà Minh C giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Ông cho rằng bản án sơ thẩm chưa thể hiện việc xét xử đúng và đầy đủ theo tinh thần và nội dung yêu cầu khởi kiện của bà, có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật dẫn đến việc ra bản án không đúng gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, buộc bị đơn phải bồi thường thiệt hại như đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ủy ban nhân dân xã TP đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BT phát biểu: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim P, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim P và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim P kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý nội dung kháng cáo của nguyên đơn, yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện vào năm 2019 Ủy ban nhân dân xã TP có mở rộng đường ĐX 03 liên ấp TB - TT. Do con đường có đi qua phần đất bà Huỳnh Thị Kim P đang quản lý sử dụng thửa 24, tờ bản đồ số 18, tọa lạc tại xã TP, huyện CT, tỉnh BT do bà Huỳnh Thị Kim P đang quản lý sử dụng nên việc mở rộng đường phải di dời hàng rào để có thêm diện tích làm đường 3,5 mét theo chuẩn nông thôn mới. Bà P đồng ý và ủng hộ việc mở rộng đường nhưng với điều kiện phải mở đều ra 02 bên để có sự công bằng, nhưng khi thi công thì con đường không được mở đều sang 02 bên, mà chỉ mở bên phần đất của bà nên bà không đồng ý. Nhiều lần bà gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã TP giải quyết nhưng không đạt được kết quả. Nay bà yêu cầu Ủy ban nhân dân xã TP trả lại phần đất cho bà có chiều ngang 0,4 mét, chiều dài 89,51 mét thuộc thửa 24,

tờ bản đồ số 18 do bà đứng tên quyền sử dụng đất. Nếu Ủy ban nhân dân xã TP không trả diện tích đất nêu trên thì phải bồi thường cho bà số tiền 71.608.000 đồng. Phía Ủy ban nhân dân xã TP cho rằng thực hiện giao thông nông thôn theo đề án 3333 của Ủy ban nhân dân tỉnh BT (tỉnh, huyện hỗ trợ bê tông mặt đường, địa phương và người dân ủng hộ mặt bằng, cây cối, hoa màu, kiến trúc, san lắp mặt bằng để giao cho Ủy ban nhân dân xã thi công tuyến đường trên). Khi nhận được Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình thuộc đề án 3333/ĐA-UBND năm 2019 và sự chỉ đạo của Đảng ủy xã, Ủy ban xã có cử ông Phạm Hoàng K - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phối hợp với đoàn thể tổ chức họp dân. Ông K đã tổ chức 03 cuộc họp tất cả bà con đều đồng tình làm lộ và đồng ý đóng góp cây cối, hoa màu, tiền để thi công. Ngày thi công có sự chứng kiến của bà P và con trai bà P. Xét thấy, ngày 26/9/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh BT ban hành Quyết định số 2107/QĐ-UBND phê duyệt chủ trương đầu tư các công trình thuộc đề án 3333. Đối với công trình đường ĐX 03 liên ấp TB – TT do Nhà nước và nhân dân cùng làm theo đó nguồn vốn Nhà nước gồm lớp móng cấp phối đá dăm và lớp bê tông xi măng, còn nhân dân đóng góp mặt bằng, cây cối, công trình. Việc làm đường ĐX 03 liên ấp TB – TT sẽ mở rộng đường giao thông, làm cho đường giao thông rộng rãi và thông thoáng, thuận tiện cho người dân sinh hoạt và lưu thông vận chuyển hàng hóa nên được người dân đều đồng tình và ủng hộ. Thực tế khi bàn giao mặt bằng thi công mở rộng lộ đal ở phần đất của bà P thì bà P với sự hỗ trợ của Ủy ban nhân dân xã đã tự nguyện di dời hàng rào để thi công mở rộng lộ như hiện trạng hiện nay. Quá trình thi công phía bà P cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ thể hiện có ý kiến phản đối cho đến khi việc thi công mở rộng đường ở đất của bà có độ dài 89,1 mét hoàn thành xong bà mới làm đơn khiếu nại. Ngoài ra, phía Ủy ban nhân dân xã cho rằng khi thỏa thuận với người dân về nguyên tắc mở rộng lộ đều ra hai bên, mỗi bên 0,5 mét tính từ tim lộ, tuy nhiên tùy điều kiện địa hình mà nguyên tắc trên có sự điều chỉnh cho phù hợp. Theo xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm thì phần đoạn đường mở rộng trên toàn tuyến lộ này có đoạn mở rộng ra 02 bên có đoạn 0,5 mét, có đoạn 0,4 mét, không mở rộng đều hai bên do điều kiện địa hình. Do đó, lời trình bày của phía Ủy ban nhân dân xã TP là có căn cứ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc Ủy ban nhân dân xã TP mở rộng lộ qua đất bà P với diện tích như hiện nay là có sự thống nhất giữa các bên. Bà P kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ có giá trị chứng minh cho nội dung kháng cáo nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BT là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do đến khi Tòa án cấp phúc thẩm tuyên án bà Phượng đã thuộc diện người cao tuổi nên được miễn án phí nên cần điều chỉnh lại phần án phí cho phù hợp.

Về án phí phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Kim P thuộc diện người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị Kim P. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 76/2022/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh BT.

Áp dụng Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim P đối với Ủy ban nhân dân xã TP, huyện CT, tỉnh BT về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân xã TP, huyện CT, tỉnh BT trả lại cho bà phần đất đã làm đường giao thông theo đo đạc thực tế thuộc thửa đất số 24 - 2, tờ bản đồ số 18, diện tích 36 m^2, tọa lạc tại ấp TT, xã TP, huyện CT, tỉnh BT.

2. Về chi phí tố tụng:

Bà Huỳnh Thị Kim P phải chịu chi phí thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chi phí đo đạc, định giá tài sản tổng cộng là 6.076.000 đồng (Sáu triệu không trăm bảy mươi sáu nghìn đồng). Ghi nhận bà P đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Kim P được miễn án phí. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Kim P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.790.000 đồng (Một triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000161 ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh BT.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Kim P được miễn án phí. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Kim P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006730 ngày 07 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh BT.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Chánh án TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Văn Phận